

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v tranh chấp "xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thường

Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh T.

- Anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Chị T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 20/12/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Tôi và bà Trần Thị T cưới nhau vào năm 2017, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T vào ngày 03/8/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, thường hay cãi vã. Lý do, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, điều kiện sống không đầy đủ nên bà T không

hài lòng và bỏ đi, chúng tôi đã cố gắp hàn gắp nhiều lần nhưng không thể tiếp tục chung sống được nữa và ly thân từ năm 2020 cho đến nay; Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2017 và Nguyễn Trần Tú V, sinh ngày 23/4/2019, hiện hai con đang sống cùng tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị T; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: không có.

Ngày 24/7/2023 nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh N và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N và bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của Nguyễn Thanh N tại phiên tòa, thì anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T hiện cư trú tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ và bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 điều 227 và Khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N và bị đơn chị Trần Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trần Thị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh N. Hội đồng xét xử xét thấy anh N và chị T có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T vào ngày 03/8/2017. Anh N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng, thường hay cãi vã. Lý do, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, điều kiện sống không đầy đủ nên chị T không hài lòng và bỏ đi, đã cố gắp hàn gắp nhiều lần nhưng không thể tiếp tục chung sống được nữa. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắp được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của anh N và chị T từ năm 2020 đến nay cũng đã rất lâu, trong thời gian ly thân nhau, anh N và chị T cũng không có một động thái nào để hàn gắp tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết

vụ án anh N cương quyết được xin ly hôn đối với chị T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh N và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Chị T cũng đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng chị vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ chị T đã không còn tình cảm đối với anh N. Tại tờ tự khai của bà Hà Thị H là mẹ ruột của anh N cũng xác định vợ chồng anh N có nhiều mâu thuẫn và chị T bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay không về, để cho anh N một mình nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh N được ly hôn chị Trần Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: anh N và chị T có 02 chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2017 và Nguyễn Trần Tú V, sinh ngày 23/4/2019, hiện đang sống cùng anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T và V hiện đang sống cùng anh N ổn định. Anh N cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Từ khi ly thân nhau cho đến nay chị T cũng không có nuôi con hay thăm nom con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị T cũng không có yêu cầu nuôi con hay có tranh chấp gì về con chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho anh N tiếp tục nuôi cháu T và V là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Trần Thị T.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Nguyễn Thanh N được tiếp tục nuôi hai con chung giữa anh và chị Trần Thị T là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2017 và Nguyễn Trần Tú V, sinh ngày 23/4/2019.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Thanh N chưa có yêu cầu.

Chị Trần Thị T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0020101 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như anh N thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh N và chị T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Thạnh Mỹ;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thanh N
 - + Trần Thị T
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

